

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

26

NHÀ TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC



Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
LÊ VĂN NĂM
Họa sĩ
NGUYỄN QUANG VINH



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 26: NHÀ TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

Tái bản lần thứ ba

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Nguyễn Quang Vinh

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Nhà Trần xây dựng đất nước / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Lê Văn Năm biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Quang Vinh. - Tái bản lần thứ 2. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.
112 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.26).
1. Việt Nam — Lịch sử — Triều nhà Trần, 1225-1400 — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng.
II. Lê Văn Năm. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.
1. Vietnam — History — Tran dynasty, 1225-1400 — Pictorical works.

959.7024 — dc 22
N577

LỜI GIỚI THIỆU

Sau chiến thắng giặc Nguyên Mông lần thứ ba, nhà Trần bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước. Dầu bị tàn phá nặng nề trong ba cuộc kháng chiến nhưng do thừa kế được thành tựu của những thế kỷ trước, lại cùng với hào khí của quân và dân sau chiến thắng, nhà Trần đã để lại những dấu ấn đặc biệt trong lịch sử dân tộc.

Dưới đời các vua Trần Anh Tông, Trần Minh Tông với lòng nhân đức do sùng đạo Phật cùng với tài năng, đức độ của hai vua, với sự giúp sức của các quý tộc như: Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhật Duật, ... lại thêm những võ tướng và văn thần lỗi lạc như: Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Mạc Đĩnh Chi, Đoàn Nhữ Hài, ... nhà Trần nhanh chóng phục hồi mọi mặt của đất nước và tiếp tục thịnh trị trong mấy chục năm.

Vua Trần Minh Tông băng hà, từ đây, nhà Trần cũng bước vào giai đoạn suy vong.

Những nội dung trên được truyền tải trong tập 26 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Nhà Trần xây dựng đất nước”** phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Quang Vinh thể hiện.

Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 26 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

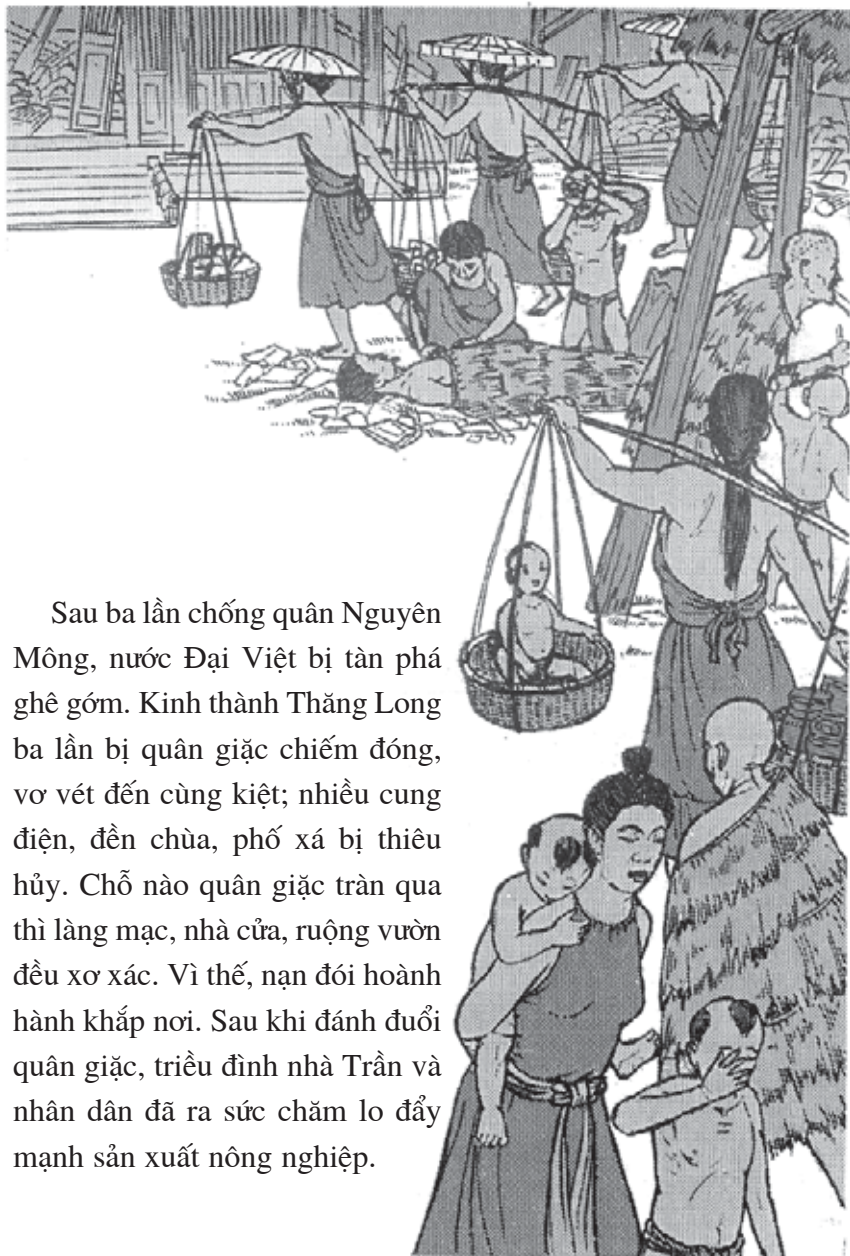
Vua Trần Anh Tông tên thật là Trần Thuyên, là vị vua thứ tư của nhà Trần. Vua ở ngôi từ năm 1293 đến năm 1314 và làm Thượng hoàng trong 6 năm.

Vua Trần Minh Tông tên thật là Trần Mạnh, là vị vua thứ năm của nhà Trần, ở ngôi từ năm 1314 và làm Thượng hoàng trong 28 năm.

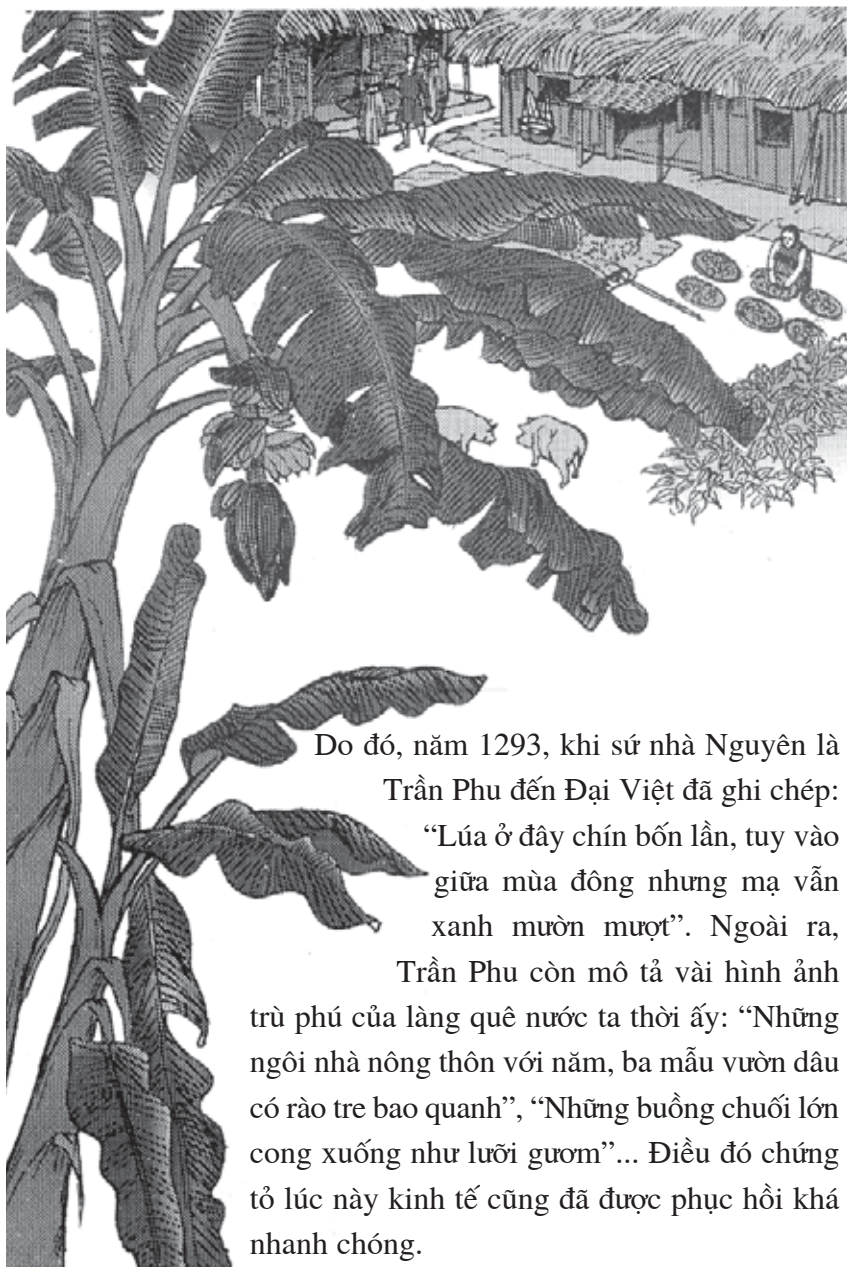
Hai vua đều nổi tiếng là bậc minh quân, nhân đức, biết trọng đãi nhân tài, sùng đạo Phật, nên trong nước yên bình, ngoài thì lân bang nể phục.

Vua Trần Nhân Tông ở ngôi 14 năm đã góp sức cùng Thượng hoàng Thánh Tông lèo lái đất nước, hai lần đánh thắng quân Nguyên (lần hai và lần ba). Tháng 3 năm Quý Tỵ (1293), ngài nhường ngôi cho con trưởng là Thái tử Trần Thuyên, lên làm Thượng hoàng. Trần Thuyên lên nối ngôi tức vua Trần Anh Tông.





Sau ba lần chống quân Nguyên Mông, nước Đại Việt bị tàn phá ghê gớm. Kinh thành Thăng Long ba lần bị quân giặc chiếm đóng, vợ vết đến cùng kiệt; nhiều cung điện, đền chùa, phố xá bị thiêu hủy. Chỗ nào quân giặc tràn qua thì làng mạc, nhà cửa, ruộng vườn đều xơ xác. Vì thế, nạn đói hoành hành khắp nơi. Sau khi đánh đuổi quân giặc, triều đình nhà Trần và nhân dân đã ra sức chăm lo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

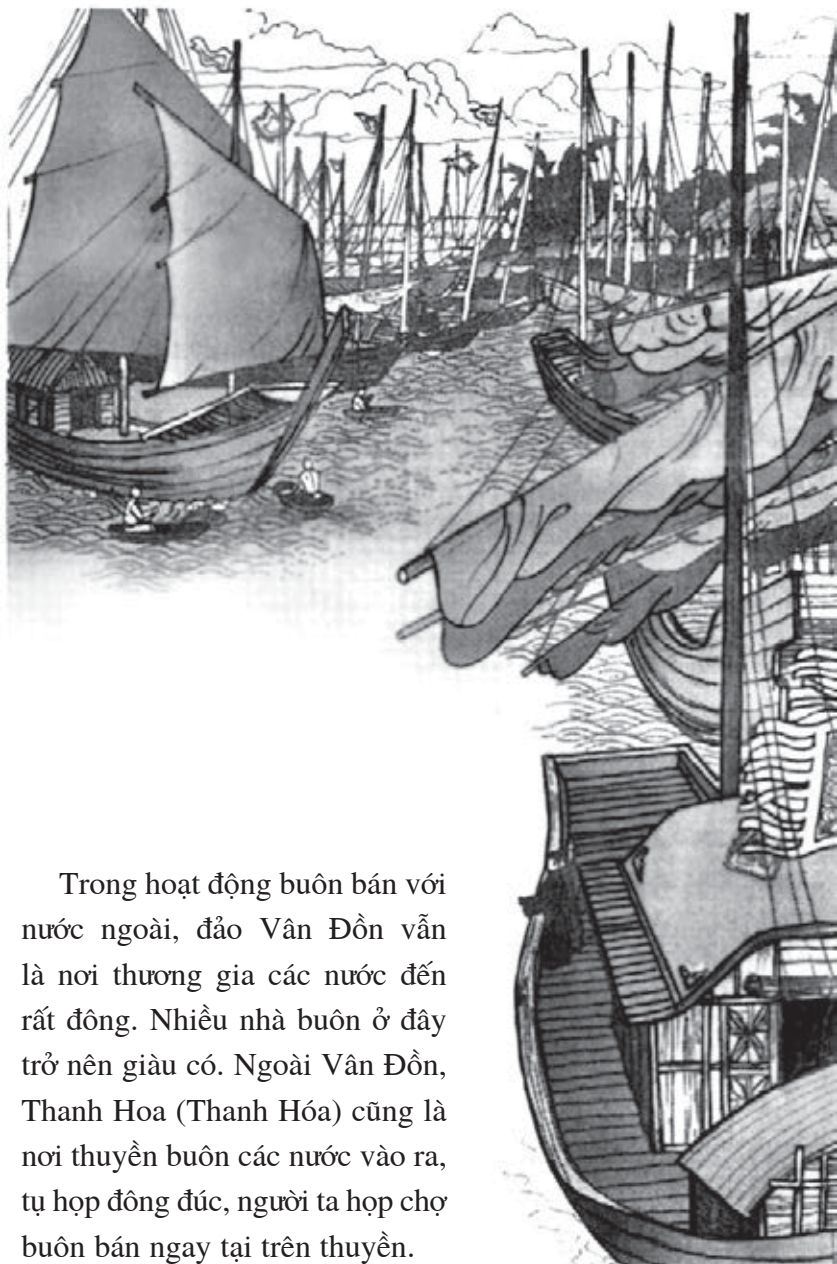


Do đó, năm 1293, khi sứ nhà Nguyên là Trần Phu đến Đại Việt đã ghi chép: “Lúa ở đây chín bốn lần, tuy vào giữa mùa đông nhưng mạ vẫn xanh muồn muột”. Ngoài ra, Trần Phu còn mô tả vài hình ảnh trù phú của làng quê nước ta thời ấy: “Những ngôi nhà nông thôn với năm, ba mẫu vườn dâu có rào tre bao quanh”, “Những buồng chuối lớn cong xuống như lưỡi gươm”... Điều đó chứng tỏ lúc này kinh tế cũng đã được phục hồi khá nhanh chóng.

Những cung điện, đền chùa, nhà cửa bị giặc phá hoại trước đây đều được xây dựng lại. Các hoạt động thủ công nghiệp, thương nghiệp cũng được phục hồi và phát triển. Thăng Long lại trở thành trung tâm buôn bán tấp nập cả ngày lẫn đêm. Bến Vị Hoàng (Nam Định) cũng là nơi buôn bán thịnh vượng.



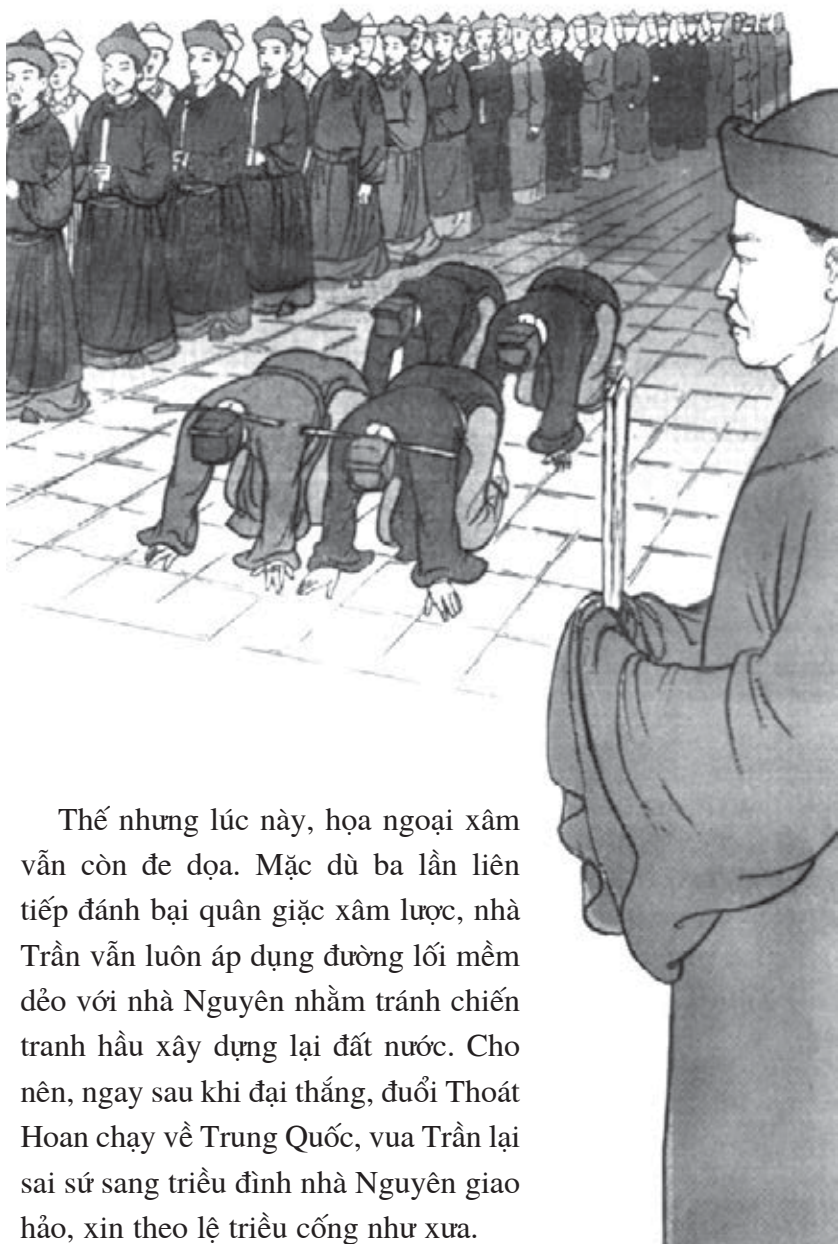




Trong hoạt động buôn bán với nước ngoài, đảo Vân Đồn vẫn là nơi thương gia các nước đến rất đông. Nhiều nhà buôn ở đây trở nên giàu có. Ngoài Vân Đồn, Thanh Hoa (Thanh Hóa) cũng là nơi thuyền buôn các nước vào ra, tụ họp đông đúc, người ta họp chợ buôn bán ngay tại trên thuyền.



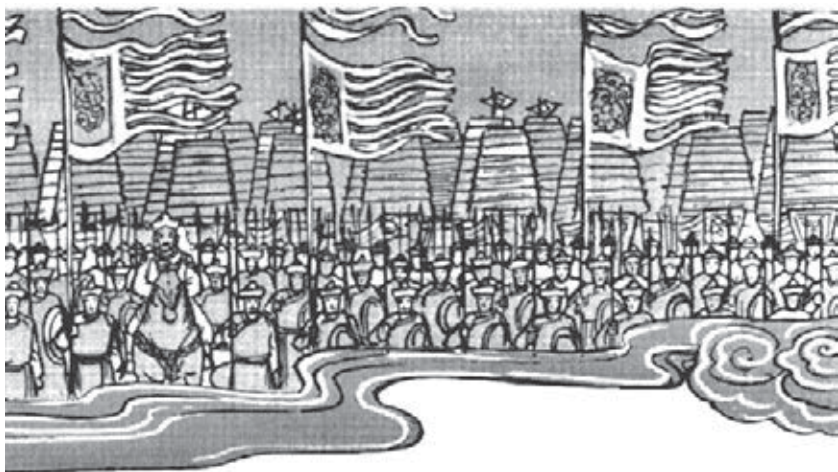
Ngoài ra còn nhiều khu chợ búa ở các địa phương. Sứ nhà Nguyễn Trần Phú nhận thấy là trên đường đi, cứ khoảng năm dặm thì có một khu chợ. Ở đây người ta dựng một ngôi nhà, bốn mặt đều đặt chõng làm nơi tụ họp buôn bán. Trong các thôn xóm, hai tháng có một phiên chợ với hàng trăm thứ hàng hóa được bày bán.



Thế nhưng lúc này, họa ngoại xâm vẫn còn đe dọa. Mặc dù ba lần liên tiếp đánh bại quân giặc xâm lược, nhà Trần vẫn luôn áp dụng đường lối mềm dẻo với nhà Nguyên nhằm tránh chiến tranh hâu xây dựng lại đất nước. Cho nên, ngay sau khi đại thắng, đuổi Thoát Hoan chạy về Trung Quốc, vua Trần lại sai sứ sang triều đình nhà Nguyên giao hảo, xin theo lệ triều cống như xưa.

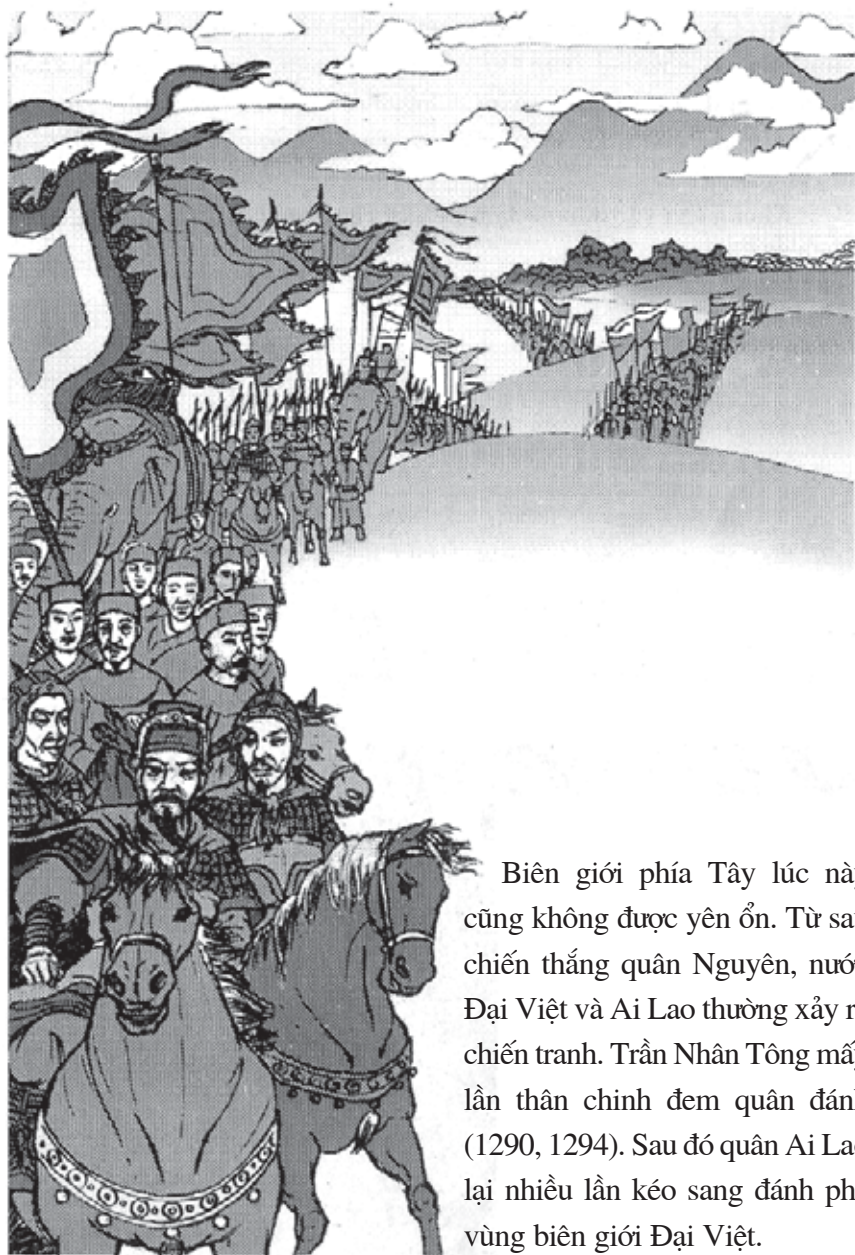
Nhưng sau ba lần đại bại, Hốt Tất liệt vẫn mưu tính đem quân báo thù. Y bảo với bọn quan lại nhà Nguyên: “Việc rửa hận như ngứa trong tim ta, không thể gãi được. Nhất định ta phải đập bằng thành lũy nước Nam, bắt chúng quỳ phục dưới chân ta, ta mới hả tức”. Vì thế, nhà Nguyên gấp rút chuẩn bị quân lính, lương thảo để sang đánh Đại Việt lần thứ tư.





Để bắt đầu việc gây hấn, Hốt Tất Liệt mấy lần sai sứ đến Đại Việt đòi vua Trần phải sang Nguyên châu. Sứ bộ do Đào Tử Kỳ cầm đầu được nhà vua phái sang giao hảo bị chúng bắt giam. Cuối năm 1293, nhà Nguyên tập trung trên 1000 thuyền, nhiều khí giới cùng năm, sáu vạn quân giao cho Lưu Quốc Kiệt chỉ huy và cho tích lũy nhiều lương thảo. May thay vào đầu năm 1294, Hốt Tất Liệt chết mang theo cả những mưu tính phục thù.





Biên giới phía Tây lúc này cũng không được yên ổn. Từ sau chiến thắng quân Nguyên, nước Đại Việt và Ai Lao thường xảy ra chiến tranh. Trần Nhân Tông mấy lần thân chinh đem quân đánh (1290, 1294). Sau đó quân Ai Lao lại nhiều lần kéo sang đánh phá vùng biên giới Đại Việt.

Vì thế, vua Trần Anh Tông vẫn luôn có ý đề phòng. Vào năm 1300, Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn lâm bệnh nặng. Vua Anh Tông thân hành đến Vạn Kiếp thăm viếng. Trên giường bệnh, nhà vua hỏi Trần Hưng Đạo về kế sách giữ nước và được ông nói những lời tâm huyết cuối cùng:

- Khoan thứ sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc, đó là thượng sách giữ nước.



Dưới thời Anh Tông, một số tục lệ được thay đổi. Chẳng hạn trước đây, vua nước ta vẫn có tục lấy chàm xăm hình rồng vào đùi. Anh Tông không muốn theo tục ấy. Thượng hoàng phải nhắc nhở: - “Dòng dõi nhà ta vẫn vẽ mình để nhớ gốc ngày xưa, nay nhà vua cũng phải theo tục ấy mới được”. Khi ấy thợ xăm đã đợi sẵn ở cửa cung nhưng thừa lúc Thượng hoàng không để ý, Anh Tông lánh đi nơi khác. Từ đó các vua sau cũng không xăm hình rồng nữa.



Đời Trần, các quy định của điển chế khá tỉ mỉ, nhất là về cách phục sức cùng các phương tiện phục vụ cho quý tộc và quan lại như áo, mũ, xe, kiệu, thuyền... Có phân biệt trên dưới chặt chẽ. Dưới thời Anh Tông cũng định lại triều phục cho các quan văn võ: các quan đều đội mũ chữ đỉnh thêm miếng lụa bọc tóc màu tía xen màu biếc, áo có tay rộng... Vương hầu đội mũ triều thiên hoặc mũ bao.





Vua Anh Tông thực hiện các quy định này khá nghiêm ngặt. Có lần Thái hậu Bảo Từ vì thương yêu Hoàng phi Huy Tư nên cho Huy Tư mượn kiệu của mình để đi. Anh Tông biết được đã quả trách: - “Có thương yêu Huy Tư thì cho thứ khác, chứ cái kiệu ngồi thì còn điển chế cũ, không thể cho được”.



Lâu nay, nhà Trần vẫn áp dụng chế độ hôn nhân đặc biệt là chỉ cưới nhau trong họ để tránh việc người họ khác có thể cướp ngôi như người họ Trần đã thi hành với nhà Lý. Chế độ này tuy giúp củng cố cơ đồ của nhà Trần nhưng đi ngược với phong tục của dân tộc. Từ đời Anh Tông, chế độ này cũng dần dần bị bỏ đi.





Vua Anh Tông còn bỏ dần lệ chỉ giao các chức vụ quan trọng cho những người trong hoàng tộc. Nhà vua dùng người không kể thân sơ mà căn cứ trên tài năng. Chẳng hạn, Bảo Hưng (không rõ tên) là người trong tôn thất và Chu Bộ là cận thần thân tín nhưng không được giao chức quan gì trong khi một số người xuất thân bình thường lại được phó thác việc lớn. Đó là trường hợp của Đoàn Nhữ Hài.

Đoàn Nhữ Hài được trọng dụng cũng hết sức tình cờ. Số là vua Anh Tông có tính hay uống rượu. Một lần nhà vua uống đến say khướt, nằm ngủ không biết trời đất gì. Không may hôm ấy Thượng hoàng hồi kinh. Cũng như các vị vua trước, Nhân Tông tuy đã nhường ngôi cho con về sống ở Thiên Trường nhưng vẫn luôn để ý đến công việc ở triều đình để giúp đỡ cho vị vua trẻ trị nước. Vì thế ngài thường về kinh để xem xét chuyện triều chính.



Thượng hoàng thông thả vào cung thăm các cung điện. Đến trưa, cung nhân dâng cơm, Thượng hoàng vẫn không thấy nhà vua đâu nên hỏi. Khi biết Anh Tông vì quá say rượu nên còn nằm ngủ, đánh thức mãi không được, Thượng hoàng giận lắm muốn truất ngôi Anh Tông. Ngài lập tức trở về Thiên Trường và hạ chiếu cho các quan sáng sớm hôm sau phải có mặt đầy đủ để điểm danh, ai trái lệnh sẽ bị xử tội.

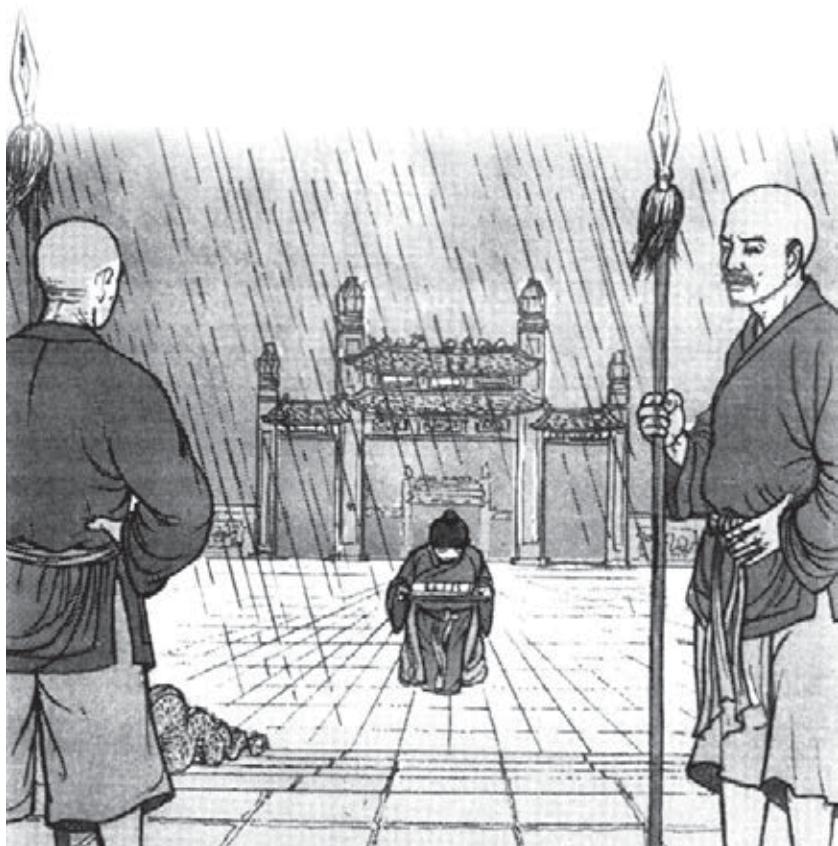




Mãi trưa hôm sau Anh Tông mới tỉnh rượu. Khi biết Thượng hoàng đã bỏ về Thiên Trường và các quan cũng đã về đấy theo lệnh ngài, không còn ai trong cung điện cả, vua vô cùng lo sợ. Anh Tông đi vội ra khỏi cửa cung tìm khắp vẫn không thấy ai. Khi qua chùa Tư Phúc, nhà vua chợt gặp một người học trò tên Đoàn Nhữ Hài liền gọi lại bảo:

- Vừa rồi trẫm vì say rượu, có tội với Thượng hoàng. Giờ trẫm định đến trước mặt ngài tạ tội. Người hãy thảo cho trẫm một bài biểu.

Đoàn Nhữ Hải soạn biểu ngay và sau đó cùng vua xuống thuyền nhỏ lập tức đi đến phủ Thiên Trường. Nhữ Hải quỳ ở cửa cung dâng biểu. Thượng hoàng thấy vậy liền hỏi người hầu cận xem là ai. Khi biết đó là người do Anh Tông sai đến, ngài chẳng thêm nói gì. Buổi chiều, trời mưa to gió lớn nhưng Nhữ Hải vẫn quỳ không nhúc nhích. Thượng hoàng động lòng sai người lấy biểu vào xem.



Thấy lời lẽ trong biểu thiết tha thành khẩn, Thượng hoàng ngúi giận bảo: “Bài biểu rất hợp ý trẫm”. Rồi ngài nói với vua Anh Tông:

- Trẫm còn có con khác có thể nối ngôi được. Trẫm đang sống mà ngươi còn như thế, hướng chi sau này?

Anh Tông rập đầu tạ tội và từ đó bỏ hẳn rượu.





Trở về kinh đô, Anh Tông phong cho Đoàn Nhữ Hài chức Ngự sử Trung tán(*). Lúc bấy giờ ông mới 20 tuổi lại chưa đỗ đạt nên có nhiều người ganh ghét. Tuy nhiên, ông thực sự là người có tài. Có lần Thượng hoàng Nhân Tông đã trò chuyện rất lâu với Đoàn Nhữ Hài tại chùa Sùng Nghiêm ở núi Chí Linh. Sau đó, ngài bảo với kẻ tả hữu:

- Nhữ Hài đúng là người giỏi, hẳn được Quan gia(**) dùng là phải.

(*) Chức quan thứ 3 trong số 6 vị quan ở Ngự sử đài.

(**) Thời Trần gọi vua là Quan gia.

Năm 1303, Đoàn Nhữ Hài vâng lệnh vua Anh Tông đi sứ sang Chiêm Thành. Khi về ông được bổ làm Tham tri chính sự, một chức quan trong triều đình, rồi lại được cử trông coi Viện khu mật. Sau đó ông được thăng dần lên đến chức Hành khiển, chức quan trước đây chỉ dành cho quý tộc. Việc làm đó của nhà vua cho phép tầng lớp nho sĩ bước vào hàng ngũ quan liêu ngày càng nhiều.



Ngoài Đoàn Nhữ Hài, vua Anh Tông còn trọng dụng Trương Hán Siêu. Ông người làng Phúc Thành, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên (thuộc tỉnh Ninh Bình ngày nay). Khi còn trẻ, Trương Hán Siêu đã nổi tiếng học giỏi nên được Trần Hưng Đạo biết tiếng và mời về làm môn khách trong nhà.



Ông phụ trách việc văn thư trong vương phủ của Trần Hưng Đạo và có công lao trong hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai và thứ ba. Đặc biệt ông rất có tài về thơ phú. Bài phú Bạch Đằng giang của ông là một áng văn bất hủ:

*Lớp lớp sóng kinh muôn dặm
Xanh xanh đuôi trĩ một màu
Nước trời một sắc: phong cảnh ba thu
Bờ lau xào xạc: bến lách điều hiu.*



Mặc dù Trương Hán Siêu không phải là người đỗ đạt trong các kì thi do triều đình mở ra để tuyển chọn nhân tài, nhưng thấy ông cương trực và có tài văn chương cũng như chính trị, vua Anh Tông vẫn trọng dụng. Năm 1308, nhà vua bổ ông vào chức học sĩ ở viện Hàn lâm, sau đó cũng thăng dần đến chức Hành khiển. Do cách dùng người như thế nên thời này có nhiều người tài giỏi hết lòng giúp nước.



Sau lần uống rượu bị Thượng hoàng quở trách, vua Anh Tông bỏ hẳn rượu. Không những không uống rượu, nhà vua còn không ưa người rượu chè. Có lần trong triều khuyết một chức quan quan trọng, Thượng hoàng bảo cử Nguyễn Quốc Phụ giữ chức ấy. Anh Tông thưa:

- Nếu lấy ngôi thứ mà bàn thì được, chỉ hiềm là hấn nghiện rượu. Và nhà vua không dùng người này.



Để có nhiều người tài ra giúp nước, vua Anh Tông cũng chú trọng việc học hành thi cử như các bậc tiền đế nhà Trần trước đây. Quốc học viện đã mở rộng cửa cho các Nho sĩ vào học. Năm 1299, vua xuống chiếu cho học trò trong nước ôn luyện kinh sách chuẩn bị ra ứng thí. Năm 1304, khoa thi Thái học sinh mở, có 44 người được chấm đỗ.



Đứng đầu khoa này là Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi người làng Lan Khê, huyện Bàng Hà, lộ Lạng Giang (nay là tỉnh Bắc Giang và một số vùng lân cận), thuộc dòng dõi Mạc Hiển Tích, vị Trạng nguyên dưới triều Lý. Mạc Đĩnh Chi nổi tiếng học giỏi, thông minh, có tài ứng đối, ngay từ nhỏ đã nổi tiếng thần đồng. Tuy nhiên, tướng mạo ông lại thấp bé, xấu xí.



Vì hình thức như vậy nên dù bài ông vượt trội so với những người khác, vua Trần Anh Tông vẫn không muốn cho ông đỗ đầu. Ông biết ý, làm bài *Ngọc tỉnh liên phú*, dùng hình tượng một đóa sen trong giếng ngọc để bày tỏ ý chí, nói lên khí tiết cương trực, thanh cao của mình. Vua xem xong, hiểu được tài văn chương và phẩm chất cao quý của ông nên quyết định cho ông đỗ Trạng nguyên.



Mạc Đĩnh Chi đã hai lần đi sứ sang nhà Nguyên và nổi tiếng với tài ứng đối. Một lần vì mưa to gió lớn nên sứ bộ đến cửa ải trễ, viên quan giữ ải lấy cớ đó gây khó khăn, ra vế đối buộc ông phải đối được mới cho qua. Không ngờ khi ông đối xong, quan giữ ải phục tài xin ông viết cho một câu đối trên cửa. Mạc Đĩnh Chi liền cầm bút viết (tạm dịch):

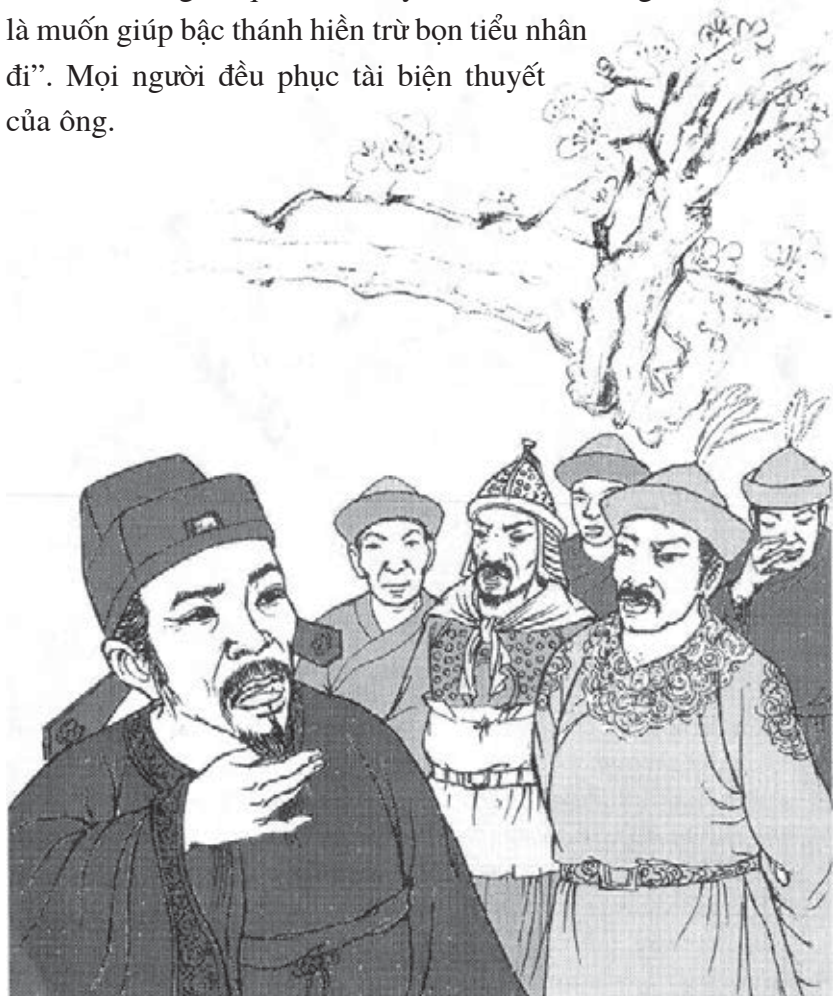
*Nam đến Bắc, Bắc về Nam, đường đi đường về.
Nhỏ dãi lớn, lớn dãi nhỏ, sợ trời vui trời.*



Khi Mạc Đĩnh Chi đến kinh đô, quan lại nhà Nguyên thấy ông thấp bé có ý coi thường. Một hôm Tể tướng nhà Nguyên mời ông đến phủ đàm đạo. Trong phủ có một bức tường gấm thêu hình một con chim sẻ vàng đậu trên cành trúc. Hình thêu thật khéo trông giống y như thật. Mạc Đĩnh Chi đến toan bắt. Các quan nhà Nguyên cười ồ. Mạc Đĩnh Chi chẳng hề tỏ ra bối rối kéo tấm trướng xuống xé đi.



Mọi người đều thấy làm lạ hỏi nguyên do, Mạc Đĩnh Chi đang hoàng trả lời: “Tôi nghe nói người xưa vẽ cành mai và chim sẻ chứ chưa thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Trúc tượng trưng cho bậc quân tử, chim sẻ chỉ kẻ tiểu nhân. Đặt kẻ tiểu nhân trên người quân tử thì e rằng rồi đây đạo của kẻ tiểu nhân sẽ mạnh, còn đạo của người quân tử sẽ suy. Tôi xé bức trướng là muốn giúp bậc thánh hiền trừ bọn tiểu nhân đi”. Mọi người đều phục tài biện thuyết của ông.





Biết tiếng Mạc Đĩnh Chi, các quan nhà Nguyên thay phiên nhau tìm cách thử tài ông. Có lần một người ra câu đố:

- Nhật hỏa vân yên, bạch trú thiêu tàn ngọc thổ (*Mặt trời là lửa, mây là khói, tỏa sáng đốt tan thử ngọc - tức mặt trăng*).

Hiểu ý người ra câu đố muốn ví người Nguyên như mặt trời và coi thường nước Nam, Mạc Đĩnh Chi đối lại ngay:

- Nguyệt cung, tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô (*Trăng là cung, sao là đạn, hoàng hôn bắn rơi quạ vàng - tức mặt trời*).

Trong buổi vào chầu vua Nguyên, gặp lúc sứ Triều Tiên dâng quạt quý, vua Nguyên muốn thử tài các sứ nên bảo làm bài minh (một thể văn ngày xưa) về cái quạt. Mạc Đĩnh Chi liền viết:

Lúc trời đất như lò than, sắt chảy đá tan thì mây như Y Doãn, Chu Công.

Lúc gió bắc lạnh buốt, mưa tuyết đầy đường thì mây như ông Di, ông Tề.

Than ôi, dùng đến thì làm, bỏ đi thì ẩn, chỉ có mây với ta là được thế thôi!

Vua Nguyên khen ý tứ sâu sắc và cầm bút phê ngay: “Lưỡng quốc Trạng nguyên” (Trạng nguyên hai nước).





Thấy Mạc Đĩnh Chi có tài ứng đối như thế, các quan nhà Nguyên tuy nể nhưng cũng căm tức. Gặp lúc công chúa của vua Nguyên lâm bạo bệnh qua đời, các sứ thần phải vào viếng. Bấy giờ, họ mới đưa cho Mạc Đĩnh Chi bài văn tế, nhờ ông đọc. Ông quỳ trước linh vị và mở bản văn tế ra thì trên đó chỉ có bốn chữ Nhất (-). Hiểu họ định chơi khăm nhưng không chút chậm trễ, ông ứng khẩu đọc ngay:

Thanh thiên nhất đóa vân (Một cụm mây trên trời xanh)

Hồng lô nhất điểm tuyết (Một giọt tuyết trong lò hồng)

Thượng uyển nhất chi hoa (Một cành hoa trong vườn Thượng uyển)

Dao trì nhất phiến nguyệt (Một mảnh trăng trong cung Quảng Hàn)

Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!

(Than ôi! Mây tán, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết!)

Bài văn tế vừa rất súc tích, nói lên được vẻ cao quý, trinh bạch của người quá cố, cùng sự mất mát lớn lao khi bà qua đời, lại vừa dùng đúng bốn chữ “Nhất” ghi trong giấy khiến vua quan nhà Nguyên rất nể phục.

Sau này, dưới đời vua Trần Hiến Tông, Mạc Đĩnh Chi được thăng đến chức Thượng thư tả bộc xạ kiêm Trung thư coi việc quân dân trong nước. Ông làm quan liêm khiết nên bổng lộc ít. Nhà vua biết vậy nên cho người để trước cửa nhà ông mười quan tiền. Hôm sau ông vào triều tâu vua rồi sung tiền vào công quỹ. Sau đó, ông từ quan; mở trường dạy học.



Cũng trong khoa thi năm 1304, ngoài Tam khôi mà vua Thái Tông đã đặt ra từ năm 1247, vua Anh Tông đặt thêm danh hiệu Hoàng giáp cho người đỗ thứ tư (đứng đầu nhị giáp). Người đỗ Hoàng giáp đầu tiên là Nguyễn Trung Ngạn, chỉ mới 16 tuổi, con một người đào hát. Ông người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, lộ Khoái Châu (tỉnh Hưng Yên sau này). Ngay từ khi còn nhỏ, Nguyễn Trung Ngạn đã tỏ ra có khiếu về văn học và nổi tiếng là thần đồng. Sau khi thi đỗ, dù xuất thân hèn kém(*) nhưng ông vẫn được trọng dụng.

(*) Thời xưa đào hát bị coi là một nghề hèn kém.

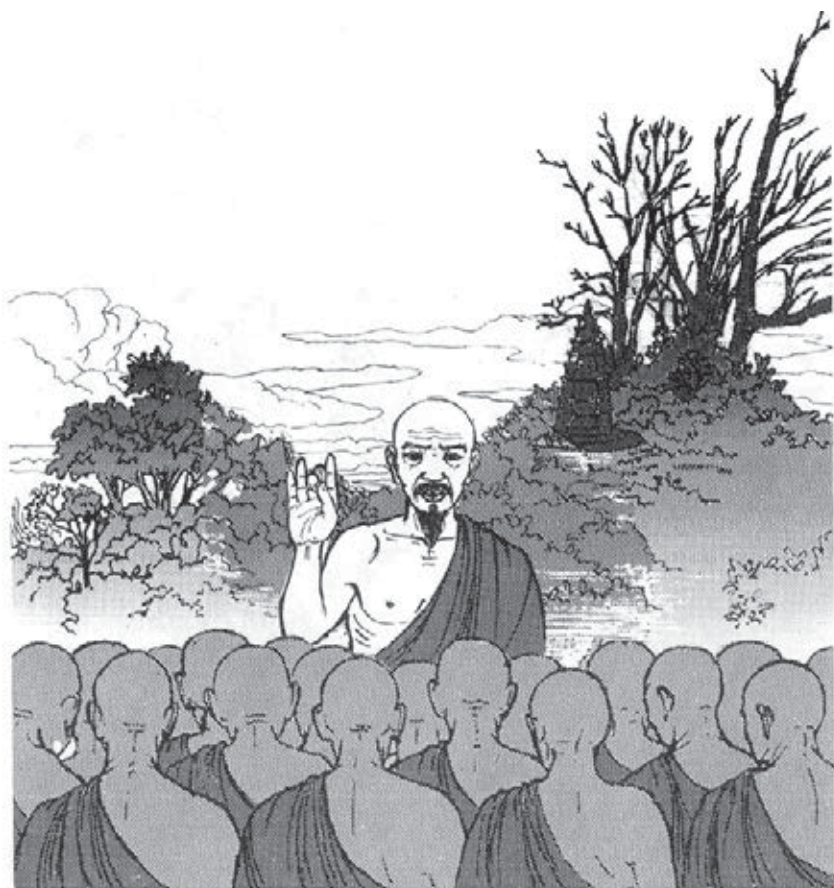


Trong thời gian làm quan ở lộ Khoái Châu (Hưng Yên), Nguyễn Trung Ngạn xin vua cho lập kho Tào thương. Lúc bình thường thì thu thóc chứa vào kho tích trữ, gặp năm mất mùa, dân bị đói kém thì lấy ra phát chẩn. Thấy cách làm đó đem lại kết quả tốt nên vua ra lệnh cho các địa phương khác bắt chước làm theo.



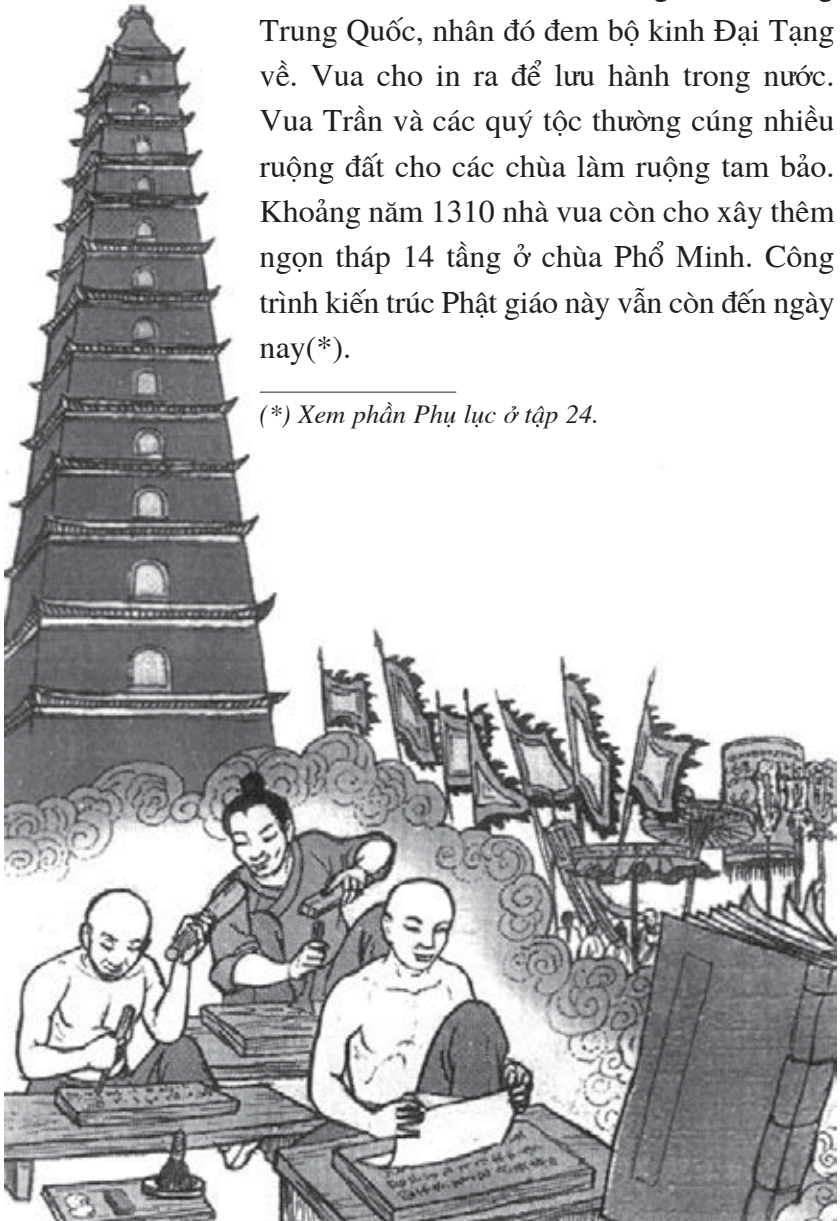
Tuy lúc này Nho giáo đang ngày một phát triển, các nho sĩ trong tầng lớp quan lại ngày một đông nhưng Phật giáo vẫn đóng vai trò quan trọng. Trần Nhân Tông sau khi làm Thượng hoàng khoảng năm năm thì xuất gia tu hành và trở thành vị tổ thứ hai của dòng Trúc Lâm thuộc phái Thiền Tông. Ngài đã đi khắp nơi trong nước để truyền đạo và ngắm phong cảnh sau đó về tu ở chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử(*).

(*) Xem phụ lục tập 23.



Năm 1295, Trần Anh Tông sai sứ sang Trung Quốc, nhân đó đem bộ kinh Đại Tạng về. Vua cho in ra để lưu hành trong nước. Vua Trần và các quý tộc thường cúng nhiều ruộng đất cho các chùa làm ruộng tam bảo. Khoảng năm 1310 nhà vua còn cho xây thêm ngọn tháp 14 tầng ở chùa Phổ Minh. Công trình kiến trúc Phật giáo này vẫn còn đến ngày nay(*).

(*) Xem phần Phụ lục ở tập 24.



Tuy cũng tin vào đạo Phật nhưng vua Anh Tông không tin vào những điều dị đoan. Có lần vua đau nặng, sư Phổ Huệ xin gặp để trình bày việc sống chết. Anh Tông sai người trả lời:

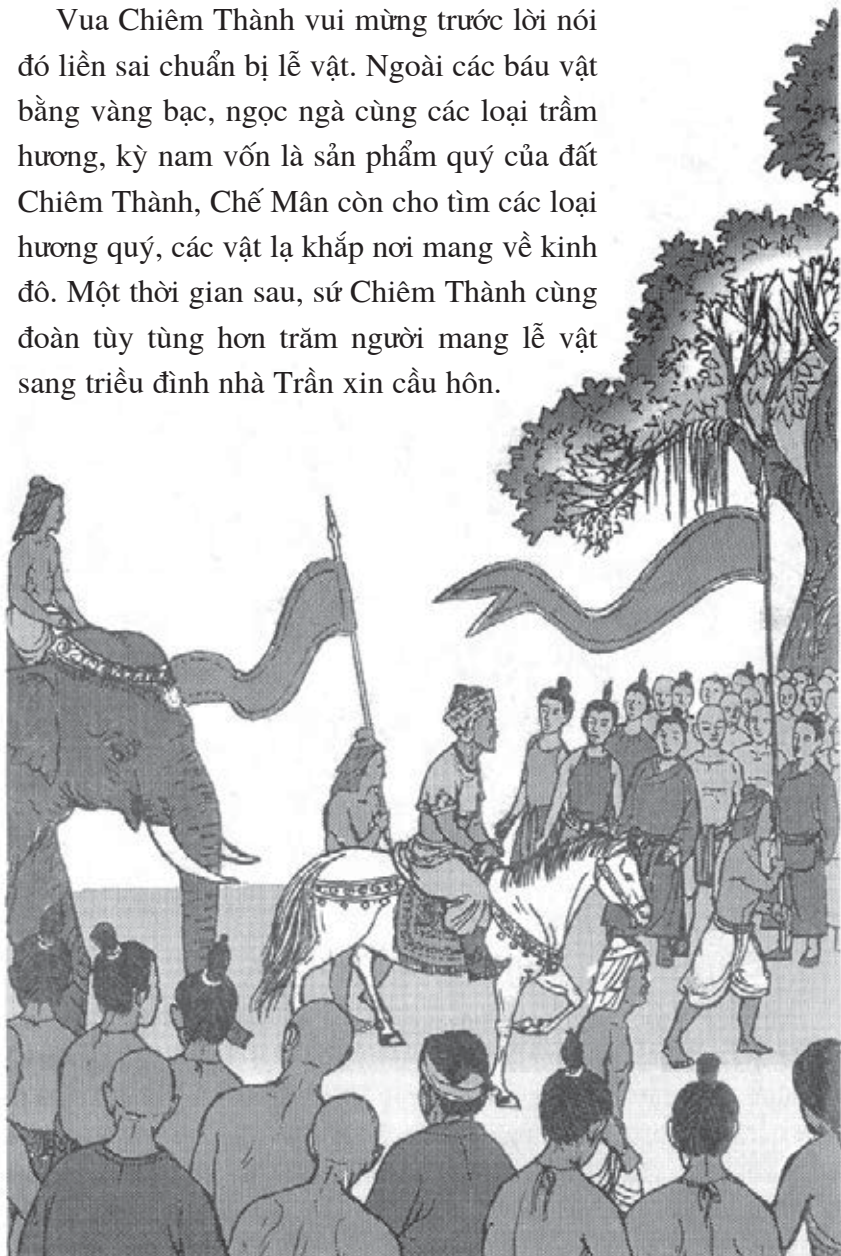
- Sư hãy đến đây, ta chết rồi Quan gia có sai bảo việc gì thì cứ việc mà làm. Còn như chuyện sau khi chết thế nào, sư cũng chưa chết biết đâu mà trình bày với ta.

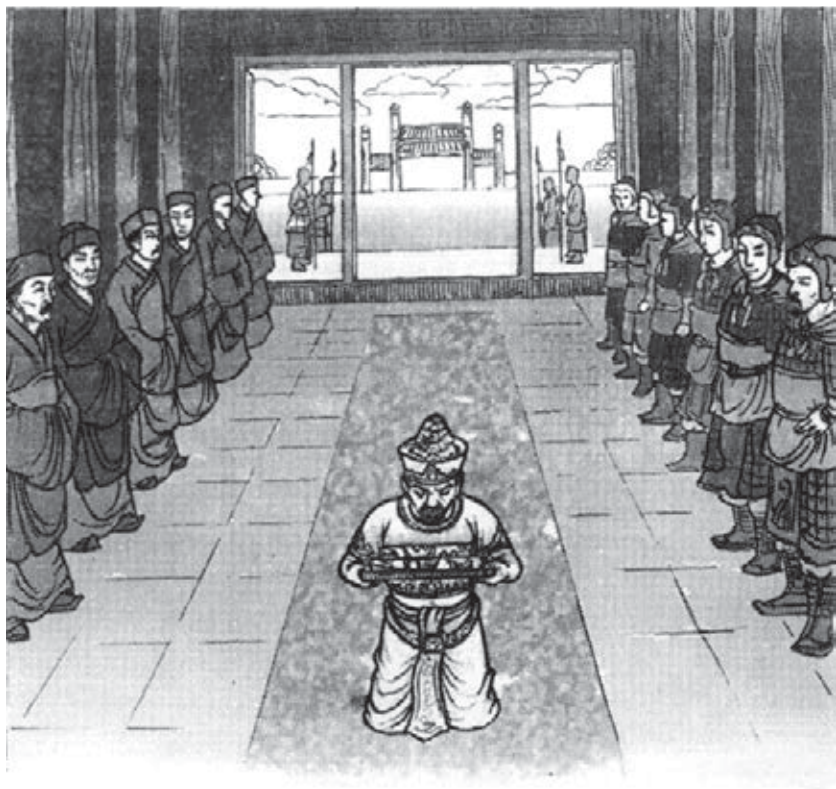




Về việc giao thiệp với Chiêm Thành, trong khoảng thời gian dài sau chiến thắng Nguyên Mông, các vua nhà Trần vẫn duy trì được quan hệ tốt giữa hai nước. Thượng hoàng Trần Nhân Tông sau khi xuất gia tu hành, thường đi khắp nơi ngắm cảnh. Năm 1303, ngài sang Chiêm Thành và được vua Chiêm là Chế Mân tiếp đón nồng hậu. Để giúp cho mối giao hảo của hai nước thêm bền vững, Nhân Tông hứa gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm.

Vua Chiêm Thành vui mừng trước lời nói đó liền sai chuẩn bị lễ vật. Ngoài các báu vật bằng vàng bạc, ngọc ngà cùng các loại trầm hương, kỳ nam vốn là sản phẩm quý của đất Chiêm Thành, Chế Mân còn cho tìm các loại hương quý, các vật lạ khắp nơi mang về kinh đô. Một thời gian sau, sứ Chiêm Thành cùng đoàn tùy tùng hơn trăm người mang lễ vật sang triều đình nhà Trần xin cầu hôn.





Vua Trần Anh Tông còn trù trù chưa quyết vì mặc dù có lời hứa của Thượng hoàng, nhưng trong triều có rất nhiều người phản đối. Vua Chăm lại xin dâng hai châu Ô, Lý nằm giáp ranh với nước Đại Việt để làm sinh lễ. Lúc ấy, Trần Anh Tông mới chấp thuận. Tháng 6 năm Bính Ngọ (1306), công chúa Huyền Trân lên kiệu hoa và trở thành hoàng hậu Chiêm Thành với tên gọi là Paramesvari.

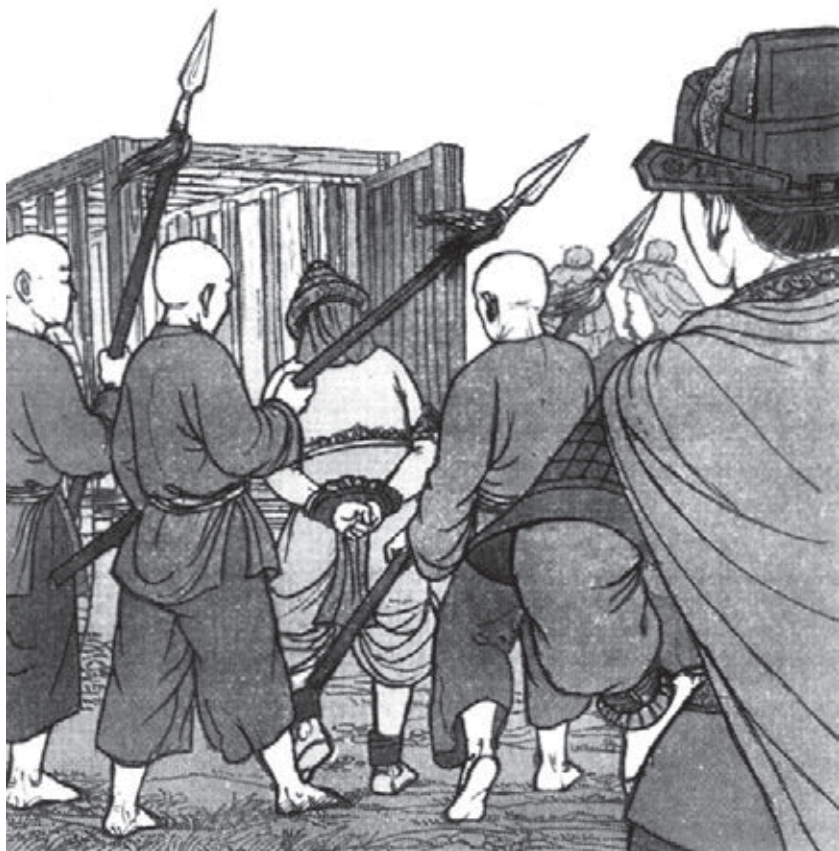
Cuộc hôn nhân đó đã mang lại cho nước Đại Việt một vùng đất rộng lớn từ Quảng Bình đến tận đèo Hải Vân ngày nay. Vua Trần cho đổi tên lại là châu Thuận và châu Hóa và sai Đoàn Nhữ Hài đến tổ chức việc cai trị. Đoàn Nhữ Hài phải lo chiêu an, chọn người có khả năng để trao quan tước, cấp phát ruộng đất đồng thời miễn tô thuế ba năm cho dân chúng ở miền đất mới.



Nhưng cuộc tình duyên của công chúa Huyền Trân và vua Chăm không được bền lâu vì chưa đầy một năm sau, Chế Mân đột ngột từ trần. Theo tục lệ Chiêm Thành, vua chết thì hoàng hậu phải lên giàn thiêu để chết theo. Trần Anh Tông lo sợ cho Huyền Trân nên sai Trần Khắc Chung cùng Đặng Văn mọn có sang viếng tang để tìm cách đưa công chúa về nước.



Việc bang giao Việt - Chiêm sau đó không được tốt đẹp. Chiêm Thành nhiều lần gây hấn với Đại Việt. Năm 1311, Trần Anh Tông tự cầm quân đi đánh Chiêm Thành, bắt vua Chiêm là Chế Chí đem về Gia Lâm. Đến năm 1318, quân Trần lại tiến đánh Chiêm Thành lần nữa, vua nước này phải chạy sang nước Qua-da (Indonesia).



Anh Tông làm vua được 21 năm thì nhường ngôi cho người con thứ tư để lên làm Thái Thượng hoàng và lui về phủ Thiên Trường. Thái tử Mạnh (14 tuổi) lên ngôi tức Trần Minh Tông (1314). Minh Tông tiếp tục giữ vững vương triều Trần được hưng thịnh.



Năm 1314, vua Minh Tông cử Nguyễn Trung Ngạn làm Chánh sứ cùng Phạm Tông Mại sang triều đình nhà Nguyên. Trong chuyến đi này, Nguyễn Trung Ngạn đã sáng tác nhiều bài thơ sau được in thành quyển *Giới Hiên thi tập*. Đó là những bài thơ đi sứ sớm nhất của nước ta mà ngày nay còn giữ được.

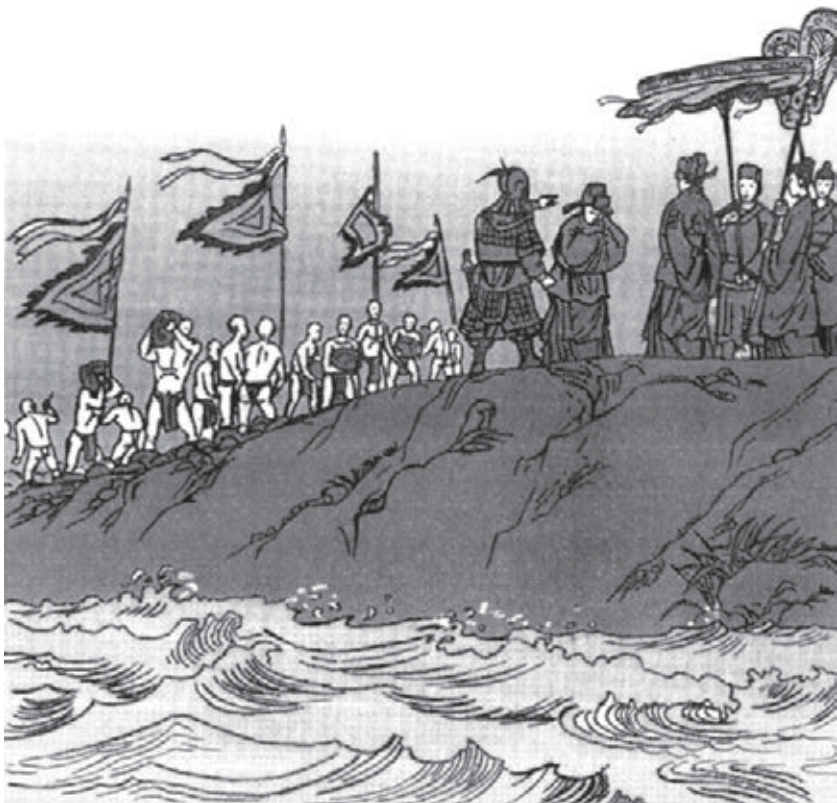


Năm 1315, nước sông Hồng dâng cao, Trần Minh Tông muốn đích thân đi xem đắp đê, quan Ngự sử can:

- Bệ hạ nên chăm sửa đức chính, xem làm gì việc sửa đê nhỏ nhặt.

Quan Hành khiển (Tể tướng) Trần Khắc Chung đáp lại:

- Khi dân bị nạn lụt, người làm vua phải cứu giúp tai nạn khẩn cấp, sửa đức chính không gì lớn hơn việc đó. Nhà vua cho thế là phải.



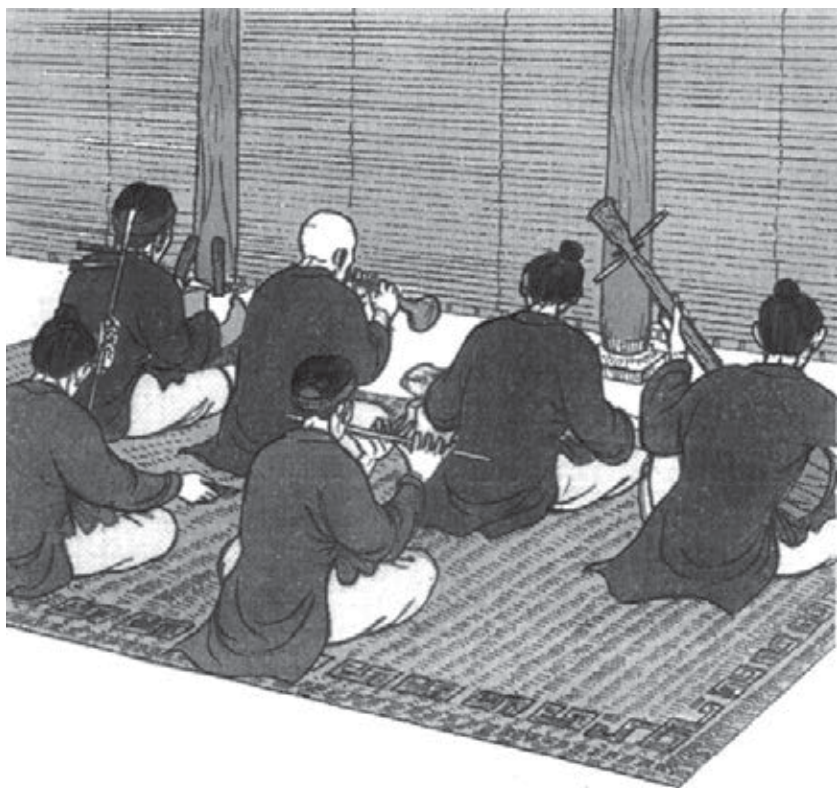
Năm 1324, vua Nguyên Thái Định Đế mới lên ngôi, sai sứ giả Mã Hợp Ngưu sang nước ta báo tin. Y rất hống hách, vào đến điện mà vẫn không chịu xuống ngựa. Các quan có nhiệm vụ tiếp đón khuyên thế nào y cũng không nghe. Cuối cùng, vua Minh Tông sai Nguyễn Trung Ngạn ra gặp sứ nhà Nguyên. Ông tranh luận, dùng lý lẽ bất bẻ khiến y phải chịu xuống ngựa đem tờ chiếu đi bộ vào.



Dưới triều Minh Tông vẫn tuân thủ các quy định của điển chế. Năm 1326, Nguyễn Trung Ngạn sơ suất trong việc biên chép sổ sách xếp hạng các quan lại suýt bị tội nặng. May mà nhiều người can ngăn và vua cũng thương ông có tài nên tha cho, chỉ chuyển ra làm An phủ sứ(*) Thanh Hoa. Điều đó chứng tỏ việc thực hiện các điển lệ thời này vẫn còn rất nghiêm ngặt.

(*) Ở cấp lộ, An phủ sứ lo việc cai trị, việc quân có kinh lược sứ.





Thời này, các hình thức nghệ thuật đã phát triển khá phong phú. Các buổi yến tiệc trong cung đình thường có tổ chức hát xướng. Trên điện là nơi vua cho bày yến tiệc. Phường nhạc ngồi khuất ở chái dưới, không thấy người và nhạc khí đâu cả. Mỗi lần rót rượu thì người hầu hô to lên bảo phường nhạc tấu nhạc. Phường nhạc sẽ tấu những khúc nhạc ngắn như Giáng châu long, Nhập hoàng đô, Yến dao trì(*)... để chúc rượu.

(*) Tên những khúc nhạc thời Trần.

Trong buổi tiệc còn có người trình diễn các điệu ca. Các ca sĩ nam nữ ngồi hai hàng, mỗi bên mười người cất tiếng hát, có cả đàn tranh và đàn tỳ bà đệm theo, tiếng hát tiếng đàn hòa lẫn nhau. Khi hát thì trước hết ngân thật dài để dạo giọng rồi sau mới hát thành lời.



Trước thềm điện là nơi trình diễn các điệu múa. Nữ vũ công đi chân không đứng múa, mười móng chân đều bôi đỏ. Lại có mười người con trai mình trần, nắm tay nhau nối gót đi vòng xung quanh và hát hỗ trợ. Vừa hát, các chàng trai vừa đồng loạt đưa tay lên, bỏ tay xuống theo nhịp điệu.



Dưới triều Trần, nghệ thuật hát tuồng bắt đầu phát triển. Đó là do năm 1285, khi đánh đuổi quân Nguyên, quân Trần bắt được một kép hát có tài là Lý Nguyên Cát. Nguyên Cát truyền bá lối trình diễn trên sân khấu, chia ra hậu trường và sân rạp diễn trò; các vai tùy lúc mà xuất hiện ở sân rạp hay vào hậu trường... Các diễn viên tùy nhân vật mà có các trang phục riêng là áo bào hay áo gấm thêu.



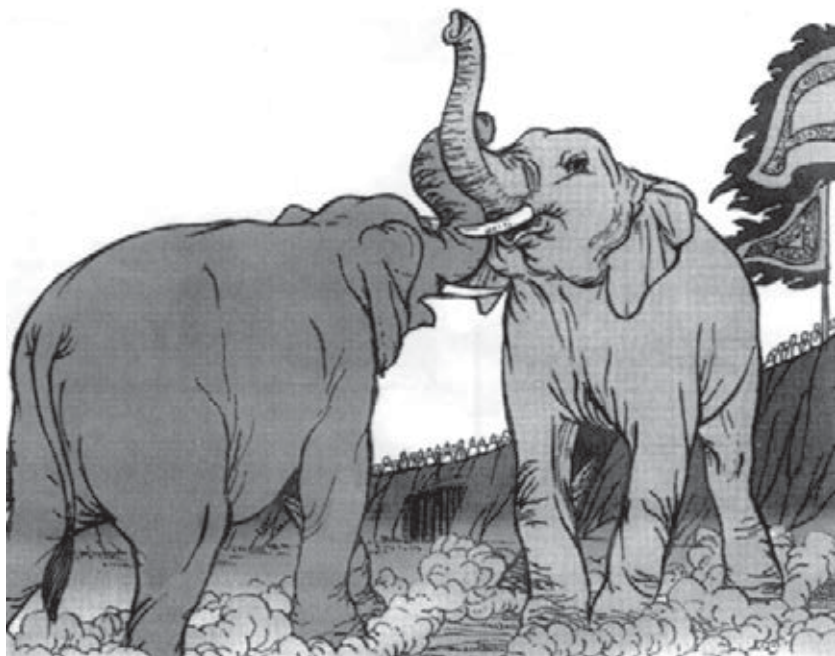


Nguyên Cát còn sáng tác các vở tuồng dựa theo tích cổ như *Tây Vương Mẫu hiển bàn đào*... Trong tuồng có đến 12 nhân vật. Lại có cả người đánh trống, người thổi kèn thay đổi nhau mà tấu khúc. Các nghệ sĩ đã trình diễn thật sự lôi cuốn làm cảm động người xem, tạo cho họ cảm giác lúc vui, lúc buồn theo tình tiết vở diễn. Nước ta có tuồng truyện bắt đầu từ đây.

Năm 1350, Đinh Bảng Đức, một người Trung Quốc giỏi nghề leo dây, làm trò, đã đưa gia đình sang nước ta cư ngụ để tránh nạn chiến tranh và đã truyền bá cách diễn trò này cho dân chúng. Đó cũng là những bước đơn giản của nghệ thuật xiếc sau này.



Ngoài các cuộc trình diễn hay hát tuồng, các vua nhà Trần còn ưa thích những cuộc thi đấu giữa người với voi hoặc hổ. Từ thời vua Trần Nhân Tông đã cho làm chuồng hổ ở thềm Vọng Lâu và sai quân sĩ đấu với hổ để vua ngồi trên lầu ngự lãm. Các vua Trần sau này cũng cho tổ chức đấu voi và ngự ở điện Thiên An để xem. Có lần voi xông ra định xông lên điện làm mọi người sợ hãi.



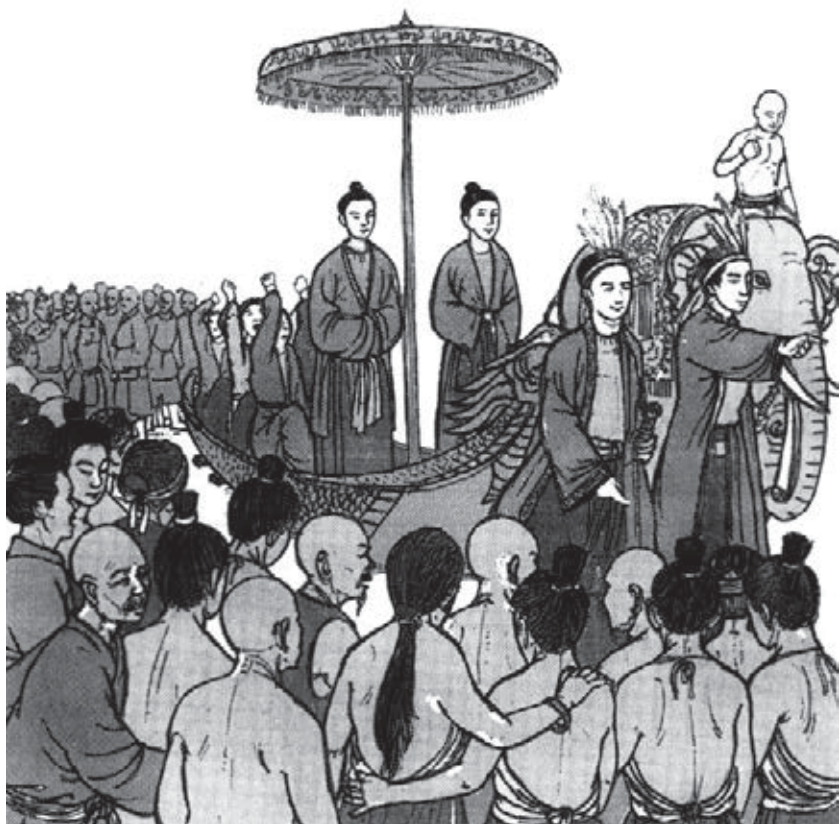


Các vua Trần cho tổ chức nhiều cuộc vui nhưng luật pháp nhà Trần nghiêm cấm việc đánh bạc. Người vi phạm sẽ bị trừng trị nặng dù là dân chúng hay quan lại. Năm 1296, Trần Anh Tông đã sai đánh quan Thượng phẩm Nguyễn Hưng đến chết vì tội đánh bạc.

Trong nhân dân, các lễ hội cũng rất phong phú. Hàng năm, vào mùa xuân và mùa thu, dân chúng khắp các nơi mở hội. Hội xuân mở sớm vào ngày mừng 2 tết là hội Xoan và hội mở muộn vào mồng 8 tháng 4 như hội Dâu, hội Gióng. Trong những ngày hội, người ta thi sức khỏe, kéo tay, đồng thời tổ chức những cuộc tế lễ trọng thể tại nơi thờ cúng Thành hoàng, thờ anh hùng dân tộc để cầu xin một năm mới khỏe mạnh, làm ăn thịnh đạt.

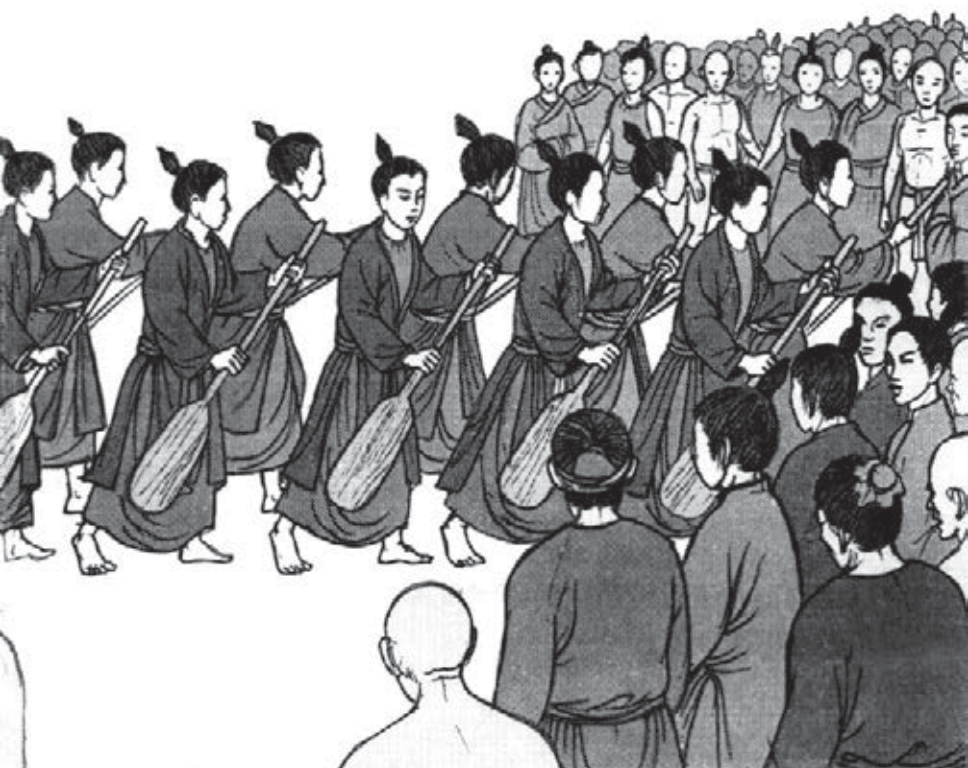


Cũng trong dịp này, các chùa mở hội làm lễ tắm Phật, lễ thờ Phật mẹ, thờ bà Ý Lan, thờ Không Lộ... Trong các lễ hội đó, hình thức diễn xướng rất được dân chúng ưa thích. Những sự tích rút ra từ thần thoại, truyền thuyết lưu truyền trong dân gian từ đời này sang đời khác về các vị anh hùng giữ nước như Thánh Gióng, sư Không Lộ hay sự tích Thần làng được dân chúng diễn lại một cách sống động.





Trong những ngày hội vui, thanh niên trai gái cùng nhau hát múa. Nhiều điệu múa đã có từ xưa nay hoàn thiện hơn và truyền bá rộng rãi trong dân chúng. Điệu múa *Lý Liên* được ưa chuộng ở miền Bắc nước ta. Đây là điệu múa tập thể với 4, 8 hoặc 16 thiếu nữ hay thanh niên hoặc cả nam lẫn nữ. Họ vừa bước chân lên xuống nhịp nhàng theo tiếng nhạc, vừa làm những động tác như bơi chải, thể hiện sóng nước, chim bay, cá lặn hoặc bông sen nhấp nhô trên mặt hồ.





Lễ hội không những là dịp thi tài của mọi người mà còn là dịp để thanh niên nam nữ gặp gỡ nhau. Đặc biệt thu hút là cuộc thi hát đối đáp. Nam nữ chia phe thi tài đối đáp qua những câu hò câu hát. Các buổi hát đó có thể kéo dài một tuần lễ. Đó là dịp tốt để tình bạn, tình yêu nảy nở và phát triển.



Mùa thu cũng có những lễ hội nhộn nhịp không kém. Vào ngày mồng 3 tháng tám, ở bến Đông Bộ Đầu rộn ràng diễn ra cuộc đua thuyền và nhiều nơi biểu diễn múa rối nước, thu hút đông đảo người xem.

Dưới triều Trần, một số ngành khoa học cũng phát triển hơn trước. Ngoài nghệ thuật và khoa học quân sự đã đạt được đỉnh cao, các mặt thiên văn, lịch pháp, y học cũng đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Đặng Lộ người huyện Sơn Minh (Hà Nội) làm quan dưới thời Minh Tông đã chế tạo một dụng cụ để xem xét khí tượng rất chính xác gọi là *Lung linh nghi*. Ông cũng xin vua dùng loại lịch mới gọi là lịch *Hiệp kỷ* (1339).



Tuy nhiên, vào cuối thời vua Minh Tông, triều đình đã chia thành những phe phái đối lập nhau và tranh chấp trong việc chọn người nối ngôi vua. Đây là những mầm mống báo hiệu sự suy tàn của triều Trần sau này. Vì việc này, Huệ Vũ vương Quốc Chấn đã bị giết oan khiến vua Minh Tông mang trong lòng nỗi ân hận, day dứt sâu xa. Trong chuyến về thăm đền thờ Quốc Chấn ở Chí Linh, Minh Tông đã bày tỏ:

Giọt mưa tàu chuỗi tiễn đêm dài

Hiu hắt đèn thu trước ánh mai

Ba chục năm rồi, lắm lỗi ấy!

Dành ôm sầu hận, lắng mưa rơi.

(Nam Trân, Phạm Tú Châu dịch)



Minh Tông ở ngôi vua đến năm 1329 thì nhường ngôi cho con để làm Thượng hoàng. Thái tử Vượng mới 10 tuổi lên ngôi tức Trần Hiến Tông. Năm 1341, Hiến Tông mất khi mới 23 tuổi không có con nối ngôi, vì vậy Trần Hạo (em của Hiến Tông) mới 6 tuổi lên làm vua tức Trần Dụ Tông. Thượng hoàng Minh Tông vẫn trông coi mọi việc.



Thời gian này, quân Ai Lao lại nhiều lần xâm lấn biên giới. Thượng hoàng Minh Tông phải đích thân cầm quân đi đánh dẹp. Năm 1334, Nguyễn Trung Ngạn vào Thanh Hóa lo việc vận chuyển lương đi trước. Minh Tông đem đại quân đến châu Kiềm (thuộc Nghệ An). Quân Ai Lao sợ hãi bỏ chạy. Thượng hoàng sai Nguyễn Trung Ngạn soạn bài bia ghi lại chiến thắng và cho khắc lên núi đá.



Năm 1337, Thượng hoàng giao Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Nghệ An và kiêm coi việc chép sử ở viện Quốc sử. Năm 1341, Nguyễn Trung Ngạn đã cùng Trương Hán Siêu soạn bộ Hoàng triều đại điển và bộ Hình thư. Riêng ông còn có bộ Thực lục, chép việc bình Ai Lao của Minh Tông. Về sau ông được giao nhiều chức vụ quan trọng như Nhập nội Đại Hành khiển(*), Thượng thư Hữu bật kiêm cả việc ở Khu Mật viện(**) với tước Thân quốc công.

(*) Đại Hành khiển là chức quan đầu triều gần như chức Tể tướng. Thượng thư là chức đứng đầu một bộ.

(**) Nội mật viện là cơ quan thường trực của triều đình gồm Hành khiển ty ở cung Thánh Triều (nơi Thượng hoàng ở) và cung Quan Triều (nơi vua ở).



Thượng hoàng Minh Tông cũng là người không tin dị đoan. Năm 1332, khi sai quan chọn ngày để đem chôn cất Thuận Thánh Bảo Từ Thái hậu (mẹ của Trần Minh Tông) vào Thái Lăng, có người bảo: “Nếu chôn vào năm nay sẽ có hại cho người chủ tể (tức Minh Tông)”, ngài hỏi người ấy:.

- Người biết là sang năm ta sẽ chết à? Nếu sang năm ta chết thì phải lo xong việc chôn cất, như thế còn hơn là chết mà chưa lo xong việc đó sao?



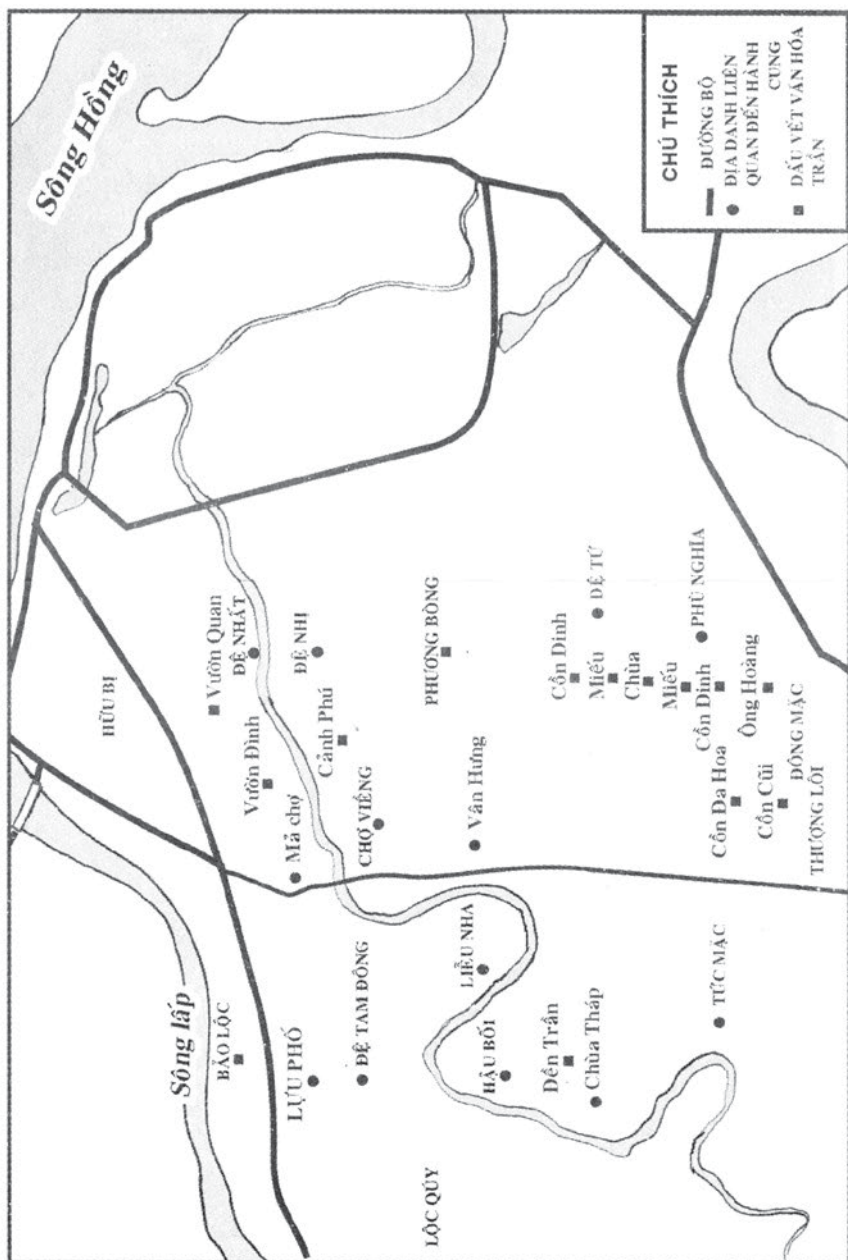


Cho đến khi lâm bệnh nặng, Thượng hoàng cũng không cho vua Dụ Tông và triều đình lập đàn chay cầu đảo. Biết Hiền Từ Thái hậu phóng sinh các con vật để cầu cho mình được khỏe mạnh, ngài không bằng lòng bảo:

- Thân ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được.

Tháng hai năm Đinh Dậu (1357), Thượng hoàng Minh Tông băng hà. Từ đây, triều Trần bắt đầu bước vào thời kỳ suy vong.

HÀNH CUNG THIÊN TRƯỜNG (Vẽ theo bản đồ của Bảo tàng Nam Định)





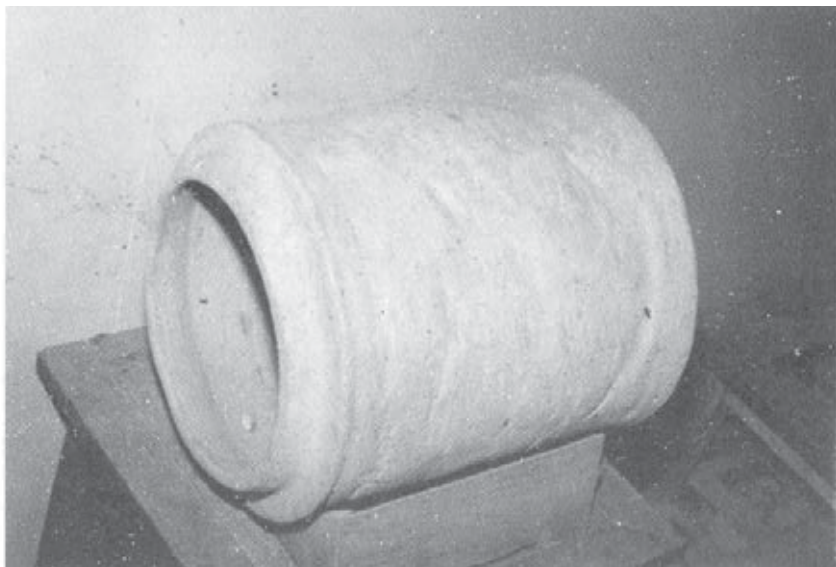
Đền Thiên Trường, ngoại thành Nam Định vốn là phủ của Thái Thượng hoàng thời Trần, nay thờ 14 đời vua Trần.

Ảnh: Đức Hòa



Ống cống thời Trần khai quật tại đền Thiên Trường, xã Lộc Vương, ngoại thành Nam Định.

Ảnh: Tại đền Trần



Một đoạn ống cống khai quật dưới nền đền Thiên Trường.

Ảnh: Đức Hòa





Đền Trần Thượng tại xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Tương truyền là kho lương thời Trần.

Ảnh: Trịnh Mạc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Trung tâm học liệu.
- Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
- Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.
- *Lịch sử Việt Nam* tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976.

PHỤ LỤC

TIÊN NỮ DÂNG HOA
CHÙA THÁI LẠC



NGUYỄN HẢI PHONG

Chùa Thái Lạc tên chữ Pháp Vân tự ở xã Lạc Hồng huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên, được xây dựng từ thế kỷ XIV. Chùa nằm trong hệ thống tín ngưỡng Tứ Pháp thờ các thần tự nhiên của người Việt: Mây (Pháp Vân), Mưa (Pháp Vũ), Sấm (Pháp Lôi), Chớp (Pháp Điện).

Mặc dù chùa đã được tu bổ nhiều vào các thời Mạc, Lê Trung hưng và thời Nguyễn song vẫn nhận ra tòa thượng điện với bộ khung gỗ thuộc phong cách nghệ thuật thời Trần. Chùa hiện nay mặt bằng kiểu “nội công ngoại quốc” bắt đầu từ tam quan - sân - tiền đường - thiên hương - thượng điện, hành lang bên phải nối với nhà Tổ phía sau (xưa là gác chuông).

Điều khắc chùa Thái Lạc ngoài hệ thống tượng thờ Phật còn có tượng Pháp Vân đặt chính giữa ban Tam Bảo, rất có thể pho tượng này cùng với tượng Pháp Lôi chùa Nhạc Miếu ngay cạnh đây được làm từ thế kỷ XVI. Đây là nhóm tượng thuộc tín ngưỡng dân gian, gắn với những trung tâm vùng nông nghiệp lúa nước thờ các thần tự nhiên. Khoảng đầu Công nguyên, Tứ Pháp kết hợp với đạo Phật và được Phật hóa, về sau được tạc tượng thờ. Ban đầu Tứ Pháp chỉ phát triển ở vùng Dâu (Bắc Ninh), sau mở rộng sang Văn Lâm (Hưng Yên), vượt sông Đuống và sông Hồng thờ ở vùng Nành (Gia Lâm - Hà Nội) và vùng Thường Tín (Hà Tây), Thanh Trì (Hà Nội). Tượng Tứ Pháp có thể coi là loại tượng đặc biệt riêng của người Việt. Hầu hết chúng mang tư cách là một tác phẩm nghệ thuật dân gian, đậm tính nhân văn và dân tộc.

Kiến trúc tòa thượng điện chùa Thái Lạc tuy được tu sửa vào các thời sau nhưng vẫn nhận ra nét đặc trưng kết cấu hệ thống chịu lực thời Trần gồm bốn cột cái chịu lực chính và các cột quân đỡ đều chung quanh tạo bình diện vuông trên nền cao. Vì kèo và bộ khung giá chiêng to khỏe và thấp bởi hai trụ đầu và bụng lợn. Khoang giữa vì kèo lắp thêm ván hình lá đề. Hệ thống xà ngang, xà dọc liên kết vì kèo mở rất rộng thành các khoang chữ nhật, người xưa lắp ghép các ván bụng vào đó. Ván bụng bằng gỗ dày vừa làm nền trang trí, vừa có tác dụng chịu lực nhất định.



Trang trí vì nóc tòa thượng điện bên phải - gỗ - thế kỷ XIV

Có lẽ phù điêu trang trí kiến trúc chùa Thái Lạc là những chạm khắc gỗ cổ nhất nước ta. Những bức phù điêu này cho ta thấy ảnh hưởng qua lại giữa nghệ thuật Đại Việt thời Trần và nghệ thuật Chăm-pa và xác định thống nhất phong cách chung từ chùa Bối Khê (Hà Tây), chùa Dâu (Bắc Ninh), chùa Phổ Minh (Nam Định) đến chùa Thái Lạc. Các phù điêu của chùa trên các ván hình lá đề, trên vì kèo, ván bụng các tuyến ngang và các trụ đầu chịu lực trên cao. Trang trí kiến trúc tô điểm rộng rãi toàn bộ kết cấu gỗ với kiến thức thống nhất, phù hợp với nội thất giản đơn ít tượng thời Trần, gây ảo tưởng về một thế giới thực hư kỳ ảo, siêu thoát xen lẫn trần tục.

Nếu còn nguyên vẹn không bị hủy hoại dần, chùa Thái Lạc có ít nhất 20 bức phù điêu hoàn chỉnh cả về chủ đề và bố cục. Các hình người đỡ trụ đầu cao chừng 45cm, vận dụng biến dạng hình tượng hợp lý phù hợp với công năng kiến trúc. Khối trụ tròn, người đỡ trụ đầu bị nén bẹp cơ thể và dẫn ra theo diện cong của trụ đầu, tay nâng bệ đài sen, tay chống sườn, chân gập lại trong váy lá tọa, đầu vận nghiêng sát với bụng và ngực, vai nhô cao. Các chi tiết trang trí cân xứng theo nhịp điệu cấu trúc cơ thể.

Những bức chạm hình lá đề trên vì kèo, ván bụng hình vuông 100cm x 100cm, hình chữ nhật 100cm x 60cm ở các chốn thực sự là những phù điêu thấu triệt tinh thần thăng hoa Phật giáo Lý - Trần - Chăm-pa, trong đó nghệ thuật Trần tự có một diện mạo riêng, một chủ đề riêng. Chủ đề chung là các cảnh Vũ hội trong mây với các đề tài rồng châu lá đề, rồng nâng quầng ánh sáng, tiên nữ đầu người mình chim dâng hoa dâng hương và tấu nhạc. Trung tâm bức chạm là hình tượng chính sắp đặt đăng đối trong màn hoa văn mây. Hoa văn giản nở chạm nổi lên bề mặt rồi chìm xuống đáy bức chạm tôn các hình thể chính nổi cao. Các tiên nữ uốn cong, thân chim chạm đầy lông vũ, đầu nghiêng, mặt thoáng chìm niêm khoái lạc bên trong, tay dâng cao giỏ hoa, lư hương, hoặc đánh đàn, thổi tiêu. Tuy nhiên, sự lắp ghép hình tượng ở đây không trở nên quái dị như điêu khắc Chăm-pa mà thể hiện tính hồn nhiên với cảm xúc lâng lâng ngây ngất của nét chạm.



Tiên nữ dâng hoa - vì nóc tòa thượng điện bên trái - gỗ - thế kỷ XIV



Trích đoạn tiên nữ dâng hoa- vì nóc tòa thượng điện



Trích đoạn tiên nữ dâng hoa - vì nóc tòa thượng điện.

Có thể đây là sự kết hợp hình tượng con Kinari đầu người mình chim với các tiên nữ Apsara, mô-típ nghệ thuật dòng Ấn Độ giáo trong kết cấu trang trí hài hòa dày đặc như mạng lưới đăng ten của nghệ thuật Đông Sơn - Lý, bao giờ cũng gây một hậu quả sung mãn, lan tỏa cảm xúc trên bề mặt trang trí. Điều đó còn là kết quả tinh thần của một thời đại hành động đã tiến hành những cuộc chiến tranh giữ nước oai hùng và luôn tìm đến sự vượt thoát cao cả của tâm linh Thiền học.



Tiên nữ dâng hương - vì nóc tòa thượng điện.



Chim Ca lăng tằm già dăng hoa - cốn tòa thượng điện - gỗ TK XIV.



Trích đoạn chim Ca lăng tằm già dăng hoa - cốn tòa thượng điện - gỗ TK XIV.



Chim Ca lăng tần già dâng hoa - cốn tòa thượng điện - gỗ TK XIV.



Trích đoạn chìm Ca lăng tần già dâng hoa - chốn tòa thượng điện



Trích đoạn chìm Ca lãg tần già dâng hoa - chốn tòa thượng điện



Tiên nữ cười phượng tấu nhạc - cốn tòa thượng điện - gỗ TK XIV



Trích đoạn tiên nữ cười phượng tấu nhạc - cốn tòa thượng điện



Trích đoạn tiên nữ cười phượng tấu nhạc - cổng tòa thượng điện



Tiên nữ cười phượng tấu nhạc - cốn tòa thượng điện - gỗ - TK XIV



Trích đoạn tiên nữ cười phượng tấu nhạc - cốn tòa thượng điện



Trích đoạn tiên nữ cười phượng tấu nhạc chốn tòa thượng điện



Rồng châu lá đề - cột tòa thượng điện gỗ - TK XIV



Rồng - vì kèo tòa thượng điện - gỗ - TK XIV



Rồng - vì kèo tòa thượng điện - gỗ - TK XIV



*Chim Ca lăng tẩm già dăng hoa, người đội dài sen trụ dấu
vì kèo tòa thượng điện - gỗ - TK XIV*



*Chim Ca lăng tẩm già dăng hoa, người đội dài sen trụ dấu
vì kèo tòa thượng điện - gỗ - TK XIV*



*Chim Ca lăng tần già dâng hoa, người đội dài sen trụ đầu
vì kèo tòa thượng điện - gỗ - TK XIV*



Trích đoạn người đội dài sen trụ đầu vì kèo tòa thượng điện - gỗ - TK XIV



*Chim Ca lăng tần già dâng hoa và dàn nhạc - cốn tòa
thượng điện - gỗ - TK XIV*



Trích đoạn từ ảnh 1.



Tiên nữ cười phượng tấu nhạc - cốn tòa thượng điện - gỗ - TK XIV.



Tiên nữ dâng hoa - gỗ - TK XIV.



Gian giữa tòa thượng điện.



Trang trí tòa thượng điện.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 26
NHÀ TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: BÙI NGHĨA

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIỀN CỔ THỜI TRẦN



Đại Định thông bảo
Đúc trong khoảng 1369 - 1370
Kiểu chữ Chân, đọc chéo



Chính Bình thông bảo
Đúc trong khoảng 1232 - 1251.
Kiểu chữ Chân, đọc vòng



Khai Thái nguyên bảo
Lưng tiền trên lỗ vuông có chữ Trần.
Đúc trong khoảng 1325 - 1329.
Kiểu chữ Chân, đọc chéo.



Nguyên Phong thông bảo
Bộ quai xuống trong chữ Thông viết hất lên.
Đúc trong khoảng 1251 - 1258.
Tập thư, đọc vòng.



Kiến Trung thông bảo
Đúc trong khoảng 1225 - 1232.
Kiểu chữ Chân, đọc vòng.



Thiệu Long thông bảo
Đúc trong khoảng 1258 - 1272.
Kiểu chữ Chân, đọc vòng



Thiệu Phong nguyên bảo
Đúc năm 1341.
Kiểu chữ Chân, đọc vòng.

